

Bản án số: **256/2023/HNGĐ- ST**

Ngày 11/8/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27/3/2023 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/7/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm H, sinh năm 1994;

ĐKHK: Thôn 26, xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Tô dân phố 01, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn 26, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

(Chị Chị H, anh T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Yn (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng gia đình anh T tại thôn 26, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được, nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn L, sinh ngày 18/7/2016 và Nguyễn T2, sinh ngày 10/02/2018, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn T2; anh T trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn L; chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 18/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại thôn 26, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cùng gia đình anh. Đến năm 2020 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2023 Chị H chuyển về nhà mẹ đẻ ở tại tổ dân phố 01, phường M, thành phố T, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh không muốn vợ chồng phải ly hôn vì các con nhưng gia đình và Tòa án đã hòa giải nhiều lần, Chị H không thay đổi mà vẫn kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh và Chị H.

Về con chung: Anh và chị Phạm H có 02 con chung là Nguyễn L, sinh ngày 18/7/2016 và Nguyễn T2, sinh ngày 10/02/2018, ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung Nguyễn L và Nguyễn T2, anh không đề nghị Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và Chị H không có tài sản chung; không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các đương sự đều nhất trí với các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã công bố; Chị H và anh T đều thuận tình ly hôn và thỏa thuận giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn, Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị H và anh T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự, trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, Chị H có văn bản thay đổi nội dung thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, anh T không nhất trí. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Phạm H) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn T; về con chung: Chị H đề nghị giải quyết giao cháu Nguyễn T2, sinh ngày 10/02/2018 cho Chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn L, sinh ngày 18/7/2016; Chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H và anh T không có tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Nguyễn T) đồng ý ly hôn với chị Phạm H; anh T đồng ý giao con chung Nguyễn T2, sinh ngày 10/02/2018 cho Chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn L, sinh ngày 18/7/2016; anh và Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nguyên vọng của anh mong muốn các con còn nhỏ nên để các con gần gũi nhau, không ảnh hưởng đến tâm lý và xáo trộn cuộc sống của các con; nội dung này anh và Chị H thống nhất thỏa thuận riêng sau ly hôn. Anh T cũng xác nhận anh và Chị H không có tài sản chung và vay nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70; 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm H và anh Nguyễn T.

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là cháu Nguyễn T2, sinh ngày 10/02/2018 cho chị Phạm H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm H và anh Nguyễn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Phạm H và anh Nguyễn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn T không phải chịu án phí của vụ án và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thành phố Tuyên Quang; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y (nay là xã K, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 18/9/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 27/3/2023, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; nguyên đơn và bị đơn đều đã đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đều nhất trí với các tài liệu, chứng cứ đã được công khai; các đương sự đều đã được nhận các văn bản tố tụng và không ai có ý kiến gì thắc mắc, khiếu nại. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hôn nhân và gia đình; vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm H và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, như vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T là hợp pháp. Tại phiên tòa, Chị H và anh T đều thống nhất thuận tình ly hôn, xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự được là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm H và anh Nguyễn T.

[3] Về con chung: Chị Phạm H và anh Nguyễn T xác nhận có 2 con chung tên là Nguyễn L, sinh ngày 18/7/2016 và Nguyễn T2, sinh ngày 10/02/2018. Tại phiên

toà, Chị H và anh T tự nguyện thoả thuận giao cháu Nguyễn L cho anh Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Giao cháu Nguyễn T2 cho chị Phạm H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thoả thuận này của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Phạm H và anh Nguyễn T xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn T không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm H và anh Nguyễn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Nguyễn L, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn T2, sinh ngày 10/02/2018 cho chị Phạm H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T, Chị H không ai cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Phạm H và anh Nguyễn T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000742 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn T không phải nộp án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND xã K (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

